

Số: /PGĐT
V/v thông báo công khai danh mục thủ
tục hành chính thực hiện dịch vụ công
trực tuyến mức độ 4

Ninh Giang, ngày tháng 3 năm 2022

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện;
- Các trường MN, TH, THCS.

Thực hiện Quyết định số 1035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Giang về việc công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc phạm vi, chức năng các phòng chuyên môn thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

Phòng GD&ĐT thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 thuộc phạm vi, chức năng của phòng, cụ thể như sau:

1. Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 thuộc phạm vi, chức năng của Phòng GD&ĐT: 17 thủ tục

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Phòng GD&ĐT thông báo công khai danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 và được niêm yết tại:

- Cổng thông tin điện tử của Phòng GD&ĐT địa chỉ:

<http://ninhgiang.haiduong.edu.vn>

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của huyện.
- Cơ quan Phòng GD&ĐT.

3. Phòng GD&ĐT đề nghị:

- UBND các xã, thị trấn niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 tại phòng làm việc và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.
- Các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận trực tuyến mức độ 4 tại Văn phòng nhà trường.

Phòng GD&ĐT trân trọng thông báo để các cơ quan, đơn vị, ban ngành, đoàn thể huyện; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- LĐ, CV PGD&ĐT;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Phú Tùng

Phụ lục

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4

(Kèm theo công văn số / PGDDĐT ngày /3/2022 của Phòng GD&ĐT Ninh Giang)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC/Dịch vụ công
1	1.004518.000.00.00.H23	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại
2	1.005099.000.00.00.H23	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học
3	1.004831.000.00.00.H23	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở
4	2.001824.000.00.00.H23	Thủ tục chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú
5	2.001837.000.00.00.H23	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú
6	2.001839.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục
7	2.001842.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục
8	1.006445.000.00.00.H23	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ
9	2.001818.000.00.00.H23	Giải thể trường trung học cơ sở
10	1.005144.000.00.00.H23	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên
11	1.001622.000.00.00.H23	Thủ tục hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo
12	1.001714.000.00.00.H23	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
13	1.005097.000.00.00.H23	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập cấp xã”
14	1.005106.000.00.00.H23	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ
15	1.004502.000.00.00.H23	Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục
16	1.005092.000.00.00.H23	Thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc
17	2.001914.000.00.00.H23	Thủ tục Chính sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ

